

Số: 22/2022/QĐST-HNGĐ

TT, ngày 17 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 218/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T - Sinh năm: 1980

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ các Điều 212, 213 và khoản 3,4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T có 01 con chung là cháu Bùi Minh T1 (giới tính: nam), sinh ngày: 16/02/2013. Sau khi ly hôn, giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền 1.000.000đ/ tháng (Một triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 10/2022 đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T có một số tài sản chung. Chị H và anh T đã tự thoả thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Chị H và anh T có nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện T Bắc T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) đã tất toán vào ngày 04/5/2022 nên chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn T thống nhất, thỏa thuận: Chị Phạm Thị H chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng chị H đã nộp số tiền là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh T, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0007508 ngày 08/12/2021. Chị H được nhận lại số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh T. Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Tuấn